

## 1. Formal greetings (Chào hỏi trang trọng)

Dưới đây là những tình huống phổ biến nhất khi những lời chào như vậy là cần thiết:

- phỏng vấn xin việc
- Hội nghị kinh doanh
- giao tiếp với quản lý cấp cao hoặc giám đốc điều hành
- trò chuyện với một đồng nghiệp mới
- có một cuộc trò chuyện với khách hàng
- thể hiện sự tôn trọng với một người lớn tuổi
- nói chuyện với một người mà bạn hầu như không biết

1. How do you do?

I'm doing well thank you / Fine, thank you"

2. Nice to meet you / Pleased to meet you

3. How have you been?

- A: How have you been?
- B: I've been busy working a lot. How about you?

4. Good Morning / Good Afternoon / Good Evening

. For example, "Good morning" is generally used from 5:00 a.m. to 12:00 p.m. whereas "Good afternoon" time is from 12:00 p.m. to 6:00 p.m. "Good evening" is often used after 6 p.m. or when the sun goes down.

Hãy nhớ rằng "Chúc ngủ ngon" không phải là lời chào. Trong giao tiếp trang trọng, nó được dùng để chào tạm biệt.

For example:

## 2. Formal greetings for letters and emails (Chào ở Email)

5. Dear Sir or Madam

6. To Whom It May Concern

Đây là một cách chuyên nghiệp khác để gửi email cho một người lạ. Nó hơi lỗi thời, nhưng hoàn hảo nếu email trang trọng của bạn có liên quan đến một nhóm người hoặc nếu bạn muốn nghe có vẻ đặc biệt dè dặt.

8. Dear Mr X / Mrs X / Ms X / Miss X / Prof X / Dr X

If you know the name and title of someone you are sending a formal email to, it is better to begin the conversation with "Dear Mr [surname]" instead of "Dear sir or madam."

## Informal greetings (chào cách thân thiện và người thân thiết)

- Khi nói chuyện với hàng xóm hoặc tán gẫu với đồng nghiệp trong giờ nghỉ giải lao, bạn có thể chọn những lời chào thân mật này. Các tình huống mà những điều này phù hợp một cách tự nhiên bao gồm:
  - một cuộc họp ngẫu nhiên với các đồng nghiệp
  - trò chuyện với nhóm của bạn tại nơi làm việc
  - sự kiện mạng
  - chào hàng xóm
  - trò chuyện với một người bạn

9. Hello / Hi / Hey

- Hello, Michel. How are you?
- Hi, Monica. Nice to see you!

10. Morning / Afternoon / Evening

- It was nice to meet you. Goodnight!
- Goodnight! See you tomorrow.

Để thể hiện sự tôn trọng của mình, bạn cũng có thể thêm họ của người đó vào lời chào của mình. Thông thường, những người nói tiếng Anh bản ngữ có xu hướng thân mật hơn ngay cả trong giao tiếp kinh doanh và sử dụng tên của người đó sau lời chào:

- Good morning, Mr. Houston
- Good afternoon, Ms. Partridge
- Good morning, Tom
- Good evening, Kelly

### **Slang greetings (Chào theo tiếng lóng, hay thật thân mật)**

Học tiếng lóng rất thú vị: nó không trang trọng và hơi ngớ ngẩn, và việc sử dụng nó cho ai đó thấy rằng bạn đang có quan hệ thân thiện. Dưới đây là một số cách khác nhau để nói "xin chào" với những người bạn tốt và những người họ hàng nhỏ tuổi của bạn.

14. Yo!

This funny greeting came from hip-hop culture in 1990s America. It is still commonly used in the US today.

15. What's up?

16. Sup

17. Heyyy

11. How are you doing? / How's it going?

- A: Hello, Amanda! How are you doing?
- B: Fine, thanks. And you?

12. Nice to see you / It's great to see you / Good to see you

- Hello, Veronica. Nice to see you there.

13. Long-time no see / It's been a while

- A: Hey, John! Long-time no see. How are you?
- B: I'm fine, thanks! What's new?
- A: Hi, Taya. How's it going?
- B: Good thanks.
- A: I haven't seen you for ages.
- B: Yes, it's been a while.